

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn cơ chế tài chính và mức chi phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán chi phí đối với nhiệm vụ khoa học

và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức trong hoạt động quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1202/ITO-TB ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O về việc thông báo kết quả kiểm toán lần 1 giá trị dự toán đã được phê duyệt;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 51/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 121/BC-HĐTĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng thẩm định về việc thẩm định dự toán chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

3. Tổng dự toán điều chỉnh chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang: **56.834.405.310 đồng** (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm linh năm ngàn, ba trăm mười đồng), trong đó:

3.1. Chi phí lập nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là: **906.060.000 đồng** (đã được phê duyệt tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang).

3.2. Chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: **49.483.454.146 đồng**, chia thành các gói công việc sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung các gói công việc	Giá trị các gói công việc đã được phê duyệt (Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 30/9/2020)	Giá trị các gói công việc sau khi điều chỉnh
1	Gói công việc số 01: Lập quy hoạch tỉnh	23.107.100.500	18.628.390.846
2	Gói công việc số 02: Lập các nội dung đề xuất thuộc các ngành/phân ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đô thị, sử dụng đất, tài nguyên và môi trường	10.703.308.000	9.158.550.712
3	Gói công việc số 03: Lập các nội dung đề xuất thuộc lĩnh vực kinh tế	8.057.461.500	6.956.634.279
4	Gói công việc số 04: Lập các nội dung đề xuất thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội	2.919.675.000	2.538.474.760
5	Gói công việc số 05: Lập các nội dung đề xuất cấp huyện	12.863.752.000	10.982.024.995
6	Gói công việc số 06: Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tỉnh An Giang (ĐMC)	1.094.931.518	1.094.931.518
7	Gói công việc số 07: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	152.070.116	124.447.037
Tổng		58.898.298.634	49.483.454.146

3.3. Chi phí quản lý: **1.064.276.910 đồng**.

3.4. Chi phí dự phòng: **5.054.773.106 đồng**.

3.5. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: **325.841.149 đồng**.

(Dự toán chi phí lập Quy hoạch tỉnh đính kèm)

4. Nguồn vốn lập quy hoạch: Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2023.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đúng kế hoạch, tiến độ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh phê duyệt dự toán chi phí lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; TC; KBNN;
- Vp.UBND tỉnh: LĐVP, P.TH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước